

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30 tháng 09 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		685.848.646.231	753.826.286.329
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	4	26.639.134.081	51.478.243.869
111	1. Tiền		26.639.134.081	51.478.243.869
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	<i>II. Các khoản đầu tư ngắn hạn</i>		75.000.000.000	-
121	1. Các khoản đầu tư ngắn hạn		75.000.000.000	-
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		148.454.556.022	142.120.330.034
131	1. Phải thu khách hàng		131.516.922.585	112.448.107.692
132	2. Trả trước cho người bán	5	15.449.569.680	31.683.327.987
135	4. Các khoản phải thu khác	6	3.466.368.673	74.392.561
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.978.304.916)	(2.085.498.206)
140	<i>III. Hàng tồn kho</i>	7	418.392.136.832	543.502.062.085
141	1. Hàng tồn kho		418.392.136.832	543.660.107.740
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(158.045.655)
150	<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>		17.362.819.296	16.725.650.341
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	3.034.537.330	1.580.767.051
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		11.618.952.137	13.250.098.824
154	3. Thuế phải thu Nhà nước		-	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		2.709.329.829	1.894.784.466
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		425.014.623.048	433.269.675.708
220	<i>I. Tài sản cố định</i>		421.355.545.557	429.962.122.666
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	362.409.056.864	284.744.047.302
222	Nguyên giá		609.887.396.744	494.105.922.147
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(247.478.339.880)	(209.361.874.845)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	29.304.050.545	29.013.923.110
228	Nguyên giá		50.376.360.314	49.541.944.776
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(21.072.309.769)	(20.528.021.666)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	29.642.438.148	116.204.152.254
250	<i>II. Khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>		294.020.000	294.020.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	13		
258	2. Đầu tư dài hạn khác		294.020.000	294.020.000
260	<i>III. Tài sản dài hạn khác</i>		3.365.057.491	3.013.533.042
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	2.128.748.847	1.787.224.398
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.2	1.065.908.644	1.065.908.644
268	3. Tài sản dài hạn khác		170.400.000	160.400.000
269	<i>IV. Lợi thế thương mại</i>		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.110.863.269.279	1.187.095.962.037

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30 tháng 09 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		578.491.827.532	637.439.109.437
310	I. Nợ ngắn hạn		565.041.532.686	623.546.702.911
311	1. Vay ngắn hạn	14	242.546.770.328	361.971.385.357
312	2. Phải trả người bán		212.223.043.498	127.083.750.835
313	3. Người mua trả tiền trước		2.833.517.089	1.353.412.777
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	5.767.319.266	7.141.701.191
315	5. Phải trả người lao động		56.646.481.729	70.888.285.281
316	6. Chi phí phải trả	16	20.339.795.361	28.204.490.416
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	17.636.359.577	15.776.589.276
329	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	4.648.537.973	4.648.537.973
323	9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		2.399.707.865	6.478.549.805
330	II. Nợ dài hạn		13.450.294.846	13.892.406.526
333	1. Phải trả dài hạn khác		623.000.000	1.019.000.000
334	2. Vay và nợ dài hạn	19	7.577.294.846	9.373.406.526
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		5.250.000.000	3.500.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		532.394.713.984	549.674.522.130
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	532.394.713.984	549.674.522.130
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		269.878.430.000	269.878.430.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		62.295.088.755	62.295.088.755
414	3. Cổ phiếu quỹ		(14.367.110.657)	(14.367.110.657)
416	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	5. Quỹ đầu tư phát triển		77.177.527.175	77.177.527.175
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		25.161.897.230	25.161.897.230
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		112.248.881.481	129.528.689.627
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		(23.272.237)	(17.669.530)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.110.863.269.279	1.187.095.962.037

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngoại tệ : Đô la Mỹ	7.633	64.243.00
Ngoại tệ : EUR	1	-

Ghi chú : Các số ghi trong dấu () là số âm.

Q.TP TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



Nguyễn Duy Hưng

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Văn

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30 tháng 09 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		578.491.827.532	637.439.109.437
310	I. Nợ ngắn hạn		565.041.532.686	623.546.702.911
311	1. Vay ngắn hạn	14	242.546.770.328	361.971.385.357
312	2. Phải trả người bán		212.223.043.498	127.083.750.835
313	3. Người mua trả tiền trước		2.833.517.089	1.353.412.777
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	5.767.319.266	7.141.701.191
315	5. Phải trả người lao động		56.646.481.729	70.888.285.281
316	6. Chi phí phải trả	16	20.339.795.361	28.204.490.416
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	17.636.359.577	15.776.589.276
329	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	4.648.537.973	4.648.537.973
323	9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		2.399.707.865	6.478.549.805
330	II. Nợ dài hạn		13.450.294.846	13.892.406.526
333	1. Phải trả dài hạn khác		623.000.000	1.019.000.000
334	2. Vay và nợ dài hạn	19	7.577.294.846	9.373.406.526
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		5.250.000.000	3.500.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		532.394.713.984	549.674.522.130
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	532.394.713.984	549.674.522.130
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		269.878.430.000	269.878.430.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		62.295.088.755	62.295.088.755
414	3. Cổ phiếu quỹ		(14.367.110.657)	(14.367.110.657)
416	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	5. Quỹ đầu tư phát triển		77.177.527.175	77.177.527.175
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		25.161.897.230	25.161.897.230
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		112.248.881.481	129.528.689.627
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		(23.272.237)	(17.669.530)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.110.863.269.279	1.187.095.962.037

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngoại tệ : Đô la Mỹ	7.633	64.243.00
Ngoại tệ : EUR	1	-

Ghi chú : Các số ghi trong dấu () là số âm.

Q.TP TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



Nguyễn Duy Hưng

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Văn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 3		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
01	1. Doanh thu bán hàng	21.1	470.323.611.334	456.997.842.528	1.290.951.527.274	1.500.804.064.108
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	46.348.500	8.845.000	153.688.700	285.344.000
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)		470.277.262.834	456.988.797.528	1.290.797.838.574	1.500.518.720.108
11	4. Giá vốn hàng bán		370.555.588.635	379.041.338.001	1.023.767.886.141	1.186.948.894.130
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11)		99.721.674.199	77.947.459.527	267.029.952.433	313.569.825.978
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	2.801.520.227	3.409.870.626	6.535.251.692	19.889.160.228
22	7. Chi phí tài chính	22	5.235.665.167	14.524.879.716	23.059.419.614	66.211.997.595
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.328.846.708	7.818.548.590	18.938.674.390	19.157.620.116
24	8. Chi phí bán hàng		66.830.887.018	40.362.823.648	169.926.440.892	144.843.254.478
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		10.475.231.141	8.629.218.306	25.971.626.113	37.718.118.192
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		19.981.411.100	17.840.308.483	54.607.717.506	84.685.615.941
31	11. Thu nhập khác	23	135.618.121	2.499.429.731	475.791.426	3.860.988.793
32	12. Chi phí khác	23	22.150.215	2.406.659.049	22.150.215	3.441.721.380
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		113.467.906	92.870.682	453.641.211	419.267.413
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		20.094.879.006	17.933.179.165	55.061.358.717	85.104.883.354
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	4.758.440.439	2.136.141.736	13.768.841.371	10.693.231.584
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		1.111.192.897	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		14.225.245.670	15.797.037.429	41.292.517.346	74.411.651.770
	17.1. Lợi ích cổ đông thiểu số		(5.924)	(8.680.762)	(5.602.707)	(8.680.762)
	17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		14.225.251.594	15.805.718.191	41.298.120.053	74.420.332.532
70	18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu		534	599	1.551	3.153

Q. TP TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Nguyễn Duy Hưng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN
PIN AC QUY
MIỀN NAM

QUẢN LÝ TP. HỒ CHÍ MINH

Trần Thanh Văn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 3 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30.09.2012	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30.09.2011
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế:	01		55.061.358.717	85.104.883.354
2. Điều chỉnh cho các khoản:			62.641.823.882	40.694.940.663
- Khấu hao và khấu trừ	02		40.456.047.866	22.511.800.547
- Các khoản dự phòng	03		107.193.290	(974.480.000)
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(813.837.631)	-
- Lãi tiền gửi	05		3.953.745.967	-
- Lợi nhuận do thanh lý tài sản cố định	06		-	19.157.620.116
- Chi phí lãi vay	07		18.938.674.390	-
- Lợi thế thương mại	07		-	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		117.703.182.599	125.799.824.017
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09		(4.595.886.011)	(61.747.346.191)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		125.267.970.908	(107.214.544.030)
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11		66.265.991.447	33.464.545.191
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	12		2.803.951.399	(3.951.696.824)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(18.431.649.063)	(17.670.494.175)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(12.660.020.375)	(11.771.837.188)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		25.991.957	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(278.416.295)	(2.167.936.032)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		276.101.116.566	(45.259.485.232)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(24.786.987.520)	(115.114.664.041)
2. Tiền thu từ t.lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	235.100.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(75.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		554.960.310	11.648.806.357
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(99.232.027.210)	(103.230.757.684)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		705.128.276.713	815.500.829.615
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(829.574.644.347)	(800.387.783.167)
			(18.431.649.063)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(58.577.453.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(201.455.469.697)	15.113.046.448
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50		(24.586.380.341)	(133.377.196.468)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	51.478.243.869	197.241.764.050
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(252.729.447)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70	4	26.639.134.081	63.864.567.582

Q.TP TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Nguyễn Duy Hưng



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2012
TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Thanh Văn

Công ty Cổ phần Pin Ấc Quy Miền Nam

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 30 tháng 09 năm 2012.

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Pin Ấc Quy Miền Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002690 ngày 23 tháng 9 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau đây:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Ngày cấp</u>
4103002690 - Điều chỉnh lần thứ nhất	ngày 17 tháng 4 năm 2007
4103002690 - Điều chỉnh lần thứ hai	ngày 9 tháng 11 năm 2007
4103002690 - Điều chỉnh lần thứ ba	ngày 21 tháng 5 năm 2008
4103002690 - Điều chỉnh lần thứ tư	ngày 6 tháng 8 năm 2008
4103002690 - Điều chỉnh lần thứ năm	ngày 12 tháng 5 năm 2009
0300405462 - Điều chỉnh lần thứ sáu	ngày 23 tháng 9 năm 2010
0300405462 - Điều chỉnh lần thứ bảy	ngày 31 tháng 5 năm 2011
0300405462 - Điều chỉnh lần thứ tám	ngày 26 tháng 8 năm 2011
0300405462 - Điều chỉnh lần thứ chín	ngày 28 tháng 10 năm 2011
0300405462 - Điều chỉnh lần thứ mười	ngày 05 tháng 07 năm 2012

Công ty được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 69/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 9 tháng 11 năm 2006.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất pin, ắc quy; kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm pin, ắc quy, vật tư và thiết bị cho sản xuất. Tuy nhiên, hiện nay Công ty chỉ đang hoạt động sản xuất và phân phối các loại pin và ắc quy.

Công ty có trụ sở chính tại 321 đường Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2012 là 1.159 người (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.089).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có một công ty con mà Công ty sở hữu 60% vốn điều lệ, Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú, đã được hợp nhất vào các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Công ty con này là công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310500637 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 12 năm 2010. Trụ sở đăng ký của công ty đặt tại số 445-449 Đường Gia Phú, Phường 3, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính được cấp giấy phép của công ty này là kinh doanh bất động sản, và bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012, Công ty và cổ đông góp vốn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ góp vốn chính thức vào công ty con này. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số khoản chi tạm ứng từ đối tác hợp tác đầu tư dự kiến trong tương lai nhằm trang trải các chi phí ban đầu phát sinh trong kỳ.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 30 tháng 09 năm 2012.

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là chứng từ ghi sổ.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Nhóm Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con tại ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày thành lập, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của các công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Công ty Cổ phần Pin Ấc Quy Miền Nam

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 30 tháng 09 năm 2012.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất - kinh doanh dở dang	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v), có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Công ty Cổ phần Pin Ấc Quy Miền Nam

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT vào ngày 30 tháng 09 năm 2012.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.6 **Khấu hao và khấu trừ**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Nhà cửa & vật kiến trúc	10 - 25 năm
Nhà xưởng & máy móc	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Tài sản cố định khác	5 năm

3.7 **Đầu tư vào công ty con**

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.8 **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 **Đầu tư chứng khoán**

Đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.10 **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 **Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 **Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước theo thông tư 82/2003 TT-BTC và từng bước dựa vào điều 42 Luật Lao Động vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương

Công ty Cổ phần Pin Ấc Quy Miền Nam

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT vào ngày 30 tháng 09 năm 2012.

bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

3.13 Các khoản dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (“CMKTVN 10”) liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm tài chính trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cách hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo CMKTVN số 10 nói trên khác biệt so với quy định trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái (“Thông tư 201”) như sau:

Nghiệp vụ	Xử lý kế toán theo	
	CMKTVN số 10	Thông tư 201
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.	Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trước thuế của Nhóm Công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh các năm sau. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh

Công ty Cổ phần Pin Ấc Quy Miền Nam

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 30 tháng 09 năm 2012.

lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong vòng 5 năm tiếp theo.

Ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính hợp nhất nếu Nhóm Công ty áp dụng Thông tư 201 cho năm 2011 được trình bày ở Thuyết minh số 26.

3.15 **Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 **Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

► **Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

► **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

► **Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

3.17 **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản phải đã thu hoặc sẽ thu được sau khi loại trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.18 **Thuế**

Thuế thu nhập hiện hành

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT vào ngày 30 tháng 09 năm 2012.

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu

Công ty Cổ phần Pin Ấc Quy Miền Nam

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 30 tháng 09 năm 2012.

nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	30.09.2012	31.12.2011
Tiền mặt	854.116.968	1.204.167.577
Tiền gửi ngân hàng	25.785.017.113	50.274.076.292
Các khoản tương đương tiền	-	-
TỔNG CỘNG	26.639.134.081	51.478.243.869

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Trả trước cho người bán bao gồm trả trước để nhập khẩu nguyên vật liệu cho sản xuất, mua sắm máy móc thiết bị và xây dựng.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VNĐ	
	30.09.2012	31.12.2011
Tiền lãi ngân hàng phải thu	3.398.888.889	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	14.145.488	21.721.915
Phải thu khác	53.334.296	52.670.646
TỔNG CỘNG	3.466.368.673	74.392.561

7. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	30.09.2012	31.12.2011
Nguyên vật liệu	202.078.690.217	200.439.520.972
Thành phẩm	89.658.176.586	234.423.337.529
Hàng đi đường	32.268.638.222	41.901.856.727
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	94.017.172.717	66.805.746.026
Hàng hóa	369.459.090	89.646.486
TỔNG CỘNG	418.392.136.832	543.660.107.740
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(158.045.655)
GIÁ TRỊ THUẦN	418.392.136.832	543.502.062.085

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 30 tháng 09 năm 2012.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VNĐ

	<i>Nhà cửa & vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc & thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị quản lý</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:						
Số đầu năm	102.352.650.750	366.975.562.210	14.847.922.063	9.127.781.824	802.005.300	494.105.922.147
Mua mới trong năm	-	776.520.000	-	10.700.000	-	787.220.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	17.825.358.303	96.384.867.544	-	353.770.500	497.500.000	115.061.496.347
Thanh lý				67.241.750		67.241.750
Số cuối năm	<u>120.178.009.053</u>	<u>464.136.949.754</u>	<u>14.847.922.063</u>	<u>9.425.010.574</u>	<u>1.299.505.300</u>	<u>609.887.396.744</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	(27.834.660.291)	(168.886.905.721)	(7.810.912.873)	(4.760.840.987)	(68.554.973)	(209.361.874.845)
Khấu hao trong năm	(5.637.409.749)	(30.197.400.676)	(1.180.473.739)	(1.001.686.130)	(166.736.491)	(38.183.706.785)
Thanh lý				67.241.750		67.241.750
Số cuối năm	<u>(33.472.070.040)</u>	<u>(199.084.306.397)</u>	<u>(8.991.386.612)</u>	<u>(5.695.285.367)</u>	<u>(235.291.464)</u>	<u>(247.478.339.880)</u>
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	74.517.990.459	198.088.656.489	7.037.009.190	4.366.940.837	733.450.327	284.744.047.302
Số cuối năm	<u>86.705.939.013</u>	<u>265.052.643.357</u>	<u>5.856.535.451</u>	<u>3.729.725.207</u>	<u>1.064.213.836</u>	<u>362.409.056.864</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 30 tháng 09 năm 2012.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	VNĐ Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	47.293.702.056	2.248.242.720	49.541.944.776
Mua mới trong năm	-	834.415.538	834.415.538
Số cuối năm	47.293.702.056	3.082.658.258	50.376.360.314
Giá trị khấu trừ lũy kế:			
Số đầu năm	(18.527.936.164)	(2.000.085.502)	(20.528.021.666)
Khấu trừ trong năm	(407.520.658)	(136.767.445)	(544.288.103)
Số cuối năm	(18.935.456.822)	(2.136.852.947)	(21.072.309.769)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	28.765.765.892	248.157.218	29.013.923.110
Số cuối năm	28.358.245.234	945.805.311	29.304.050.545

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30.09.2012	VNĐ 31.12.2011
Nhà máy Ác quy Pinaco Nhơn Trạch	5.481.777.861	23.914.532.327
Hệ thống máy móc, thiết bị	-	1.489.097.234
Nhà xưởng & vật kiến trúc	-	17.580.966.323
Khác	5.481.777.861	4.844.468.770
Nhà máy Ác quy Pinaco Nhơn Trạch – Phần mở rộng	4.112.450.192	80.009.189.349
Hệ thống máy móc, thiết bị	3.988.063.465	79.848.348.485
Nhà xưởng & vật kiến trúc	42.272.727	160.840.864
Khác	82.114.000	
Nhà máy khác	20.048.210.095	12.280.430.578
Máy móc thiết bị	2.547.112.578	2.449.493.910
Hệ thống xử lý chất thải	4.439.326.948	-
Khác	13.061.770.569	9.830.936.668
TỔNG CỘNG	29.642.438.148	116.204.152.254

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30.09.2012	VNĐ 31.12.2011
Thuê văn phòng và nhà xưởng	426.615.000	459.862.176
Công cụ, dụng cụ	1.234.877.612	134.419.542
Phí quảng cáo	1.373.044.718	986.485.333
Khác		-
TỔNG CỘNG	3.034.537.330	1.580.767.051

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 30 tháng 09 năm 2012.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	30.09.2012	31.12.2011
Thiết bị và công cụ, dụng cụ	1.454.046.791	1.149.285.731
Phí quảng cáo	90.696.331	253.949.728
Khác	584.005.725	383.988.939
TỔNG CỘNG	2.128.748.847	1.787.224.398

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Công ty có một công ty con mà Công ty sở hữu 60% vốn điều lệ, Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú, là công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310500637 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 12 năm 2010. Trụ sở đăng ký của công ty đặt tại số 445-449 Đường Gia Phú, Phường 3, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính được cấp giấy phép của công ty này là kinh doanh bất động sản, và bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012, Công ty và cổ đông góp vốn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ góp vốn chính thức vào công ty con này. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số khoản chi tạm ứng từ đối tác hợp tác đầu tư dự kiến trong tương lai nhằm trang trải các chi phí ban đầu phát sinh trong kỳ.

14. VAY NGẮN HẠN

	VNĐ	
	30.09.2012	31.12.2011
Vay ngắn hạn	241.026.276.309	355.083.299.779
Nợ dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh số 19)	1.520.494.019	6.888.085.578
TỔNG CỘNG	242.546.770.328	361.971.385.357

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 30 tháng 09 năm 2012.

14. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

Công ty sử dụng các khoản vay này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số ngày 30.09.2012			Kỳ hạn trả	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VNĐ	Đô la Mỹ	EUR			
Ngân hàng Thương mại Chinatrust Việt Nam	37.726.538.908	1.813.340,01		09/07/2012 – 29/10/2012	3.50% - 4.50%/năm	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Indovina	610.179.026	29.328,48		01/10/2012 – 15/11/2012	5,00%/năm	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam	20.221.428.128			09/08/2012 – 26/10/2012	9,00%/năm	Tín chấp
	56.824.689.426	273.1299,66		29/11/2012 – 31/12/2012	3,4% - 5,00%/năm	
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam	5.047.651.262	242.617,22		07/11/2012 – 17/12/2012	3.70%/năm	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	101.778.179.004	4.892.005,72		07/12/2012 – 17/04/2013	6,00% - 6,50%/năm	Tín chấp
				07/12/2012 – 17/04/2013	6,00% - 6,50%/năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	18.817.610.555	904.468,65		06/12/2012 – 18/01/2013	3.70% - 4,00%/năm	Tín chấp
TỔNG CỘNG	241.026.276.309	10.613.059,74				

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 30 tháng 09 năm 2012.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	30.09.2012	31.12.2011
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25.1)	4.858.740.861	3.749.919.865
Thuế thu nhập cá nhân	231.733.280	536.893.667
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	676.018.005	2.853.510.339
Các khoản khác	827.120	1.377.320
TỔNG CỘNG	5.767.319.266	7.141.701.191

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	30.09.2012	31.12.2011
Hoa hồng và chiết khấu phải trả cho các đại lý	19.832.770.034	15.142.499.980
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		11.616.737.110
Chi phí lãi vay	507.025.327	1.253.253.326
Chi phí phải trả khác		192.000.000
TỔNG CỘNG	20.339.795.361	28.204.490.416

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	30.09.2012	31.12.2011
Kinh phí công đoàn	5.077.292.887	2.994.706.669
Bảo hiểm xã hội	175.485.539	64.044.689
Bảo hiểm y tế		
Bảo hiểm thất nghiệp		
Cổ tức phải trả cho công ty mẹ	11.144.332.800	11.152.863.000
Khác	1.239.248.351	1.564.974.918
TỔNG CỘNG	17.636.359.577	15.776.589.276

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện khoản trích trước chi phí bảo hành của sản phẩm đã bán còn trong thời hạn bảo hành tại ngày 30 tháng 09 năm 2012.

19. VAY DÀI HẠN

	VNĐ	
	30.09.2012	31.12.2011
Vay ngân hàng	9.097.788.865	16.261.492.104
Vay từ bên liên quan	-	-
TỔNG CỘNG	9.097.788.865	16.261.492.104
Trong đó:		
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14)	1.520.494.019	6.888.085.578
Nợ dài hạn	7.577.294.846	9.373.406.526

Công ty sử dụng các khoản vay này nhằm mục đích tài trợ mua máy móc thiết bị. Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 30 tháng 09 năm 2012.

	<i>Số ngày 30.09.2012</i>			<i>Kỳ hạn trả</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>Đô la Mỹ</i>	<i>EUR</i>			
Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	5.225.682.716	250.897	-	Trả hàng tháng từ ngày 24 tháng 6 năm 2011 đến ngày 25 tháng 11 năm 2013	6,5%/năm	Máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay
	3.872.106.149	-	146.861,07	Trả hàng tháng từ ngày 5 tháng 10 năm 2011 đến ngày 25 tháng 11 năm 2013	6,5%/năm	Máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay
TỔNG CỘNG	<u>9.097.788.865</u>	<u>250.897</u>	<u>146.861,07</u>			

Công ty Cổ phần PinẮc Quy Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 30 tháng 09 năm 2012.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VNĐ							
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước								
Số đầu kỳ	225.501.220.000	62.295.088.755	(14.367.110.657)	-	58.684.898.016	21.036.091.015	127.570.246.793	480.720.433.922
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	96.838.773.422	96.838.773.422
Lợi ích của cổ đông thiểu số							17.669.530	17.669.530
Chi trả cổ tức								
- Bằng cổ phiếu	44.377.210.000	-	-	-	-	-	(44.377.210.000)	-
- Bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(21.301.064.800)	(21.301.064.800)
Phân chia lợi nhuận	-	-	-	-	18.492.629.159	4.125.806.215	(22.618.435.374)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(6.601.289.944)	(6.601.289.944)
Số cuối kỳ	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.367.110.657)	-	77.177.527.175	25.161.897.230	129.528.689.627	549.674.522.130
Năm nay								
Số đầu kỳ	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.367.110.657)	-	77.177.527.175	25.161.897.230	129.528.689.627	549.674.522.130
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	41.292.517.347	41.292.517.347
Lợi ích của cổ đông thiểu số							5.602.707	5.602.707
Chi trả cổ tức								
- Bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-
- Bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(58.577.928.200)	(58.577.928.200)
Phân chia lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.367.110.657)	-	77.177.527.175	25.161.897.230	112.248.881.481	532.394.713.984

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 30 tháng 09 năm 2012.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Vốn cổ phần đã phát hành

	30.09.2012		31.12.2011	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.987.843	269.878.430.000	26.987.843	269.878.430.000
Cổ phiếu quỹ nắm giữ				
Cổ phiếu phổ thông	(361.512)	(14.367.110.657)	(361.512)	(14.367.110.657)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.626.331	266.263.310.000	26.626.331	266.263.310.000

20.3 Cổ tức

	VNĐ	
	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức chi trả trong năm		
▪ Cổ tức đợt 2 năm 2011 : 1.400 đồng/cp, chi trả bằng tiền mặt.	37.276.863.400	
▪ Cổ tức đợt 1 năm 2012 : 800 đồng/cp, chi trả bằng tiền mặt.	21.301.064.800	

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng

	VNĐ	
	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng doanh thu bán hàng	1.290.951.527.274	1.500.804.064.108
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán trả lại	153.688.700	285.344.000
Giảm giá hàng bán		
Doanh thu thuần	1.290.797.838.574	1.500.518.720.108

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi	3.953.849.199	10.959.371.997
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.514.825.655	8.162.279.202
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.066.567.078	725.044.533
Khác	9.760	42.338.400
TỔNG CỘNG	6.535.251.692	19.889.034.132

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	18.938.674.390	19.157.620.116
Chiết khấu thanh toán	742.334.239	827.535.264

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 30 tháng 09 năm 2012.

Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.125.681.538	46.226.842.215
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	252.729.447	
TỔNG CỘNG	23.059.419.614	66.211.997.595

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VNĐ	
	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập khác	475.791.426	3.860.988.793
Thu bán phế liệu	460.115.264	765.449.071
Thu thanh lý tài sản		213.727.273
Thu nhập khác	15.676.162	2.881.812.449
Chi phí khác	22.150.215	3.441.721.380
Giá vốn của bán phế liệu	-	
Thuế GTGT không được khấu trừ	-	406.303.702
Chi phí khác	22.150.215	3.035.417.678
GIÁ TRỊ THUẦN	453.641.211	419.267.413

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

	VNĐ	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên vật liệu	584.685.320.236	717.756.917.904
Chi phí nhân công	69.545.696.954	96.429.853.915
Chi phí quản lý	8.503.001.680	
Chi phí dịch vụ mua ngoài		41.763.349.958
Chi phí khấu hao và khấu trừ (Thuyết minh số 8 và số 9)	23.231.322.276	12.299.780.353
Chi phí bán hàng	91.542.239.481	
Chi phí khác	18.607.874.418	73.226.984.715
TỔNG CỘNG	796.115.455.045	941.476.886.845

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế “TNDN”) với thuế suất bằng 25% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ tài chính.

Công ty Cổ phần PinẮc Quy Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 30 tháng 09 năm 2012.

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.1 Thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	Kỳ nay			VNĐ Kỳ trước
	Hoạt động kinh doanh	Hoạt động khác	Tổng cộng	
Lợi nhuận thuần trước thuế	54.621.724.274	453.641.211	55.075.365.485	85.126.585.258
Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán	-	-	-	
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	54.621.724.274	453.641.211	55.075.365.485	85.126.585.258
Thuế TNDN tạm tính trước khi giảm trừ	13.655.431.069	113.410.303	13.768.841.371	21.281.646.314
Thuế TNDN được giảm trừ 50%	-	-	-	-
Thuế TNDN ước tính kỳ hiện hành			13.768.841.371	10.693.231.584
Thuế TNDN phải trả đầu năm			3.749.919.865	3.198.796.902
Thuế TNDN trả trong năm			12.660.020.375	11.771.837.188
Thuế TNDN phải trả cuối năm			4.858.740.862	2.120.191.298

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 30 tháng 09 năm 2011.

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.2 Thuế TNDN hoãn lại

Bảng cân đối kế toán riêng		
	30 tháng 09 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Thay đổi chi phí trích trước	1.061.397.774	1.061.397.774
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4.510.870	4.510.870
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	1.065.908.644	1.065.908.644

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Duy Hưng
Q.TP Kế Toán Tài Chính





Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2012